

DẤU ẤN KINH DỊCH TRONG HOÀNH PHI, LIỄN ĐỐI HÁN NÔM TẠI ĐÌNH THẦN Ở CÙ LAO RÙA, TÂN UYÊN, BÌNH DƯƠNG
IMPRINT OF THE I CHING IN THE HORIZONTAL PANELS AND PARALLEL TABLES AT COMMUNAL HOUSES IN CU LAO RUA, TAN UYEN, BINH DUONG

Nguyễn Văn Thủy, Đinh Thị Hòa*, Bùi Đức Anh

Trường Đại học Thủ Dầu Một

* hoadinhthi@tdmu.edu.vn

Ngày nhận bài:

25/05/2024

Ngày chấp nhận đăng:

16/06/2024

ABSTRACT

The study is based on some contents in the I Ching thought as a theoretical basis to recognize and analyze the imprint of the I Ching in the horizontal panels and parallel tables at two communal houses, Nhut Thanh and Tan Hoi, on Cu Lao Rua, Thanh Hoi commune, Tan Uyen city, Binh Duong province. The contents of Han Nom relics were collected during fieldwork and observations of participation in Ky Yen festivals at two communal houses of Nhut Thanh and Tan Hoi and are inherited from a number of documents of previous studies. The study's findings indicate that a number of horizontal panels and parallel sentences in two communal houses at Cu lao Rua were built under the influence of concepts in the hexagrams or lines of the I Ching and the ideas of unity of heaven, earth and human being through the Feng Shui elements.

Keywords: : cù lao Rùa, communal house, Han Nom, horizontal panel, I Ching, parallel sentences.

TÓM TẮT

Bài viết dựa trên một số nội dung trong tư tưởng Kinh Dịch làm cơ sở lý luận để nhận biết và tiến hành phân tích dấu ấn Kinh Dịch trong hoành phi, liễn đối Hán Nôm tại hai đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội ở cù lao Rùa, xã Thạnh Hội, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Các nội dung di văn Hán Nôm được thu thập trong những đợt điền dã thực địa cũng như quan sát tham dự các dịp lễ hội kì yên tại hai đình thần Nhựt Thạnh và đình thần Tân Hội, đồng thời có kế thừa từ một số tư liệu thành văn của các nghiên cứu đi trước. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số hoành phi, liễn đối Hán Nôm tại hai ngôi đình trên địa bàn cù lao Rùa được kiến tạo và chịu ảnh hưởng của các ý niệm trong lời quẻ, hoặc lời hào của Kinh Dịch cũng như tư tưởng thiên nhân cảm ứng của Dịch qua yếu tố phong thủy.

Từ khóa: : câu đối, cù lao Rùa, đình, Hán Nôm, hoành phi, Kinh Dịch.

1. Giới thiệu

Cù lao Rùa là một trong số bốn cù lao nổi tiếng nằm trên sông Đồng Nai. So với ba cù lao khác như cù lao Phố, cù lao Tân Triều, cù lao Bạch Đằng, thì cù lao Rùa có diện tích nhỏ nhất, và chỉ có hai ngôi đình là đình Nhựt Thạnh, đình Tân Hội. Điểm lợi thế của cù lao Rùa so với ba cù lao còn lại là có vị trí địa lý nằm gần Văn Miếu Trấn Biên (Đồng Nai). Từ bến đò Thạnh Hiệp của cù lao Rùa qua sông Đồng Nai vào đất liền thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa chỉ cách Khu di tích Văn Miếu Trấn Biên 2 km, và cách tâm Biên Hòa 5 km.

Cách đây hơn hai trăm năm, Trịnh Hoài Đức (1765-1825), một trong Gia Định Tam gia, nhân chuyến đi thuyền trên sông Phước Long (sông Đồng Nai) đã tả phong cảnh cù lao Rùa trong bài thơ *Quy Dự văn hà* (Ráng chiều trên cù lao Rùa), đây được xem là một trong những bài thơ hay viết về ba mươi cảnh đẹp của đất Gia Định xưa trong bộ *Cán Trai thi tập* của Trịnh Hoài Đức. Cán Trai tiên sinh, tức Trịnh Hoài Đức vốn là người Minh Hương gốc Phước Kiến, sinh ra ở Trấn Biên (Biên Hòa), năm 10 tuổi mồ côi cha, theo mẹ về sống ở Gia Định (Sài Gòn), theo học thầy Võ Trường Toản. Ông làm quan triều Nguyễn suốt hai triều đại Gia Long và Minh Mạng. Trải qua nhiều chức vụ, từng là Thượng Thư bộ Lại kiêm bộ Binh, hai lần là Hiệp Tổng trấn Gia Định thành, rồi giữ chức Phó Tổng tài Quốc sử quán, Hiệp biện học sĩ, sau khi mất Trịnh Hoài Đức được truy thăng Càn chánh điện Đại học sĩ. Địa danh cù lao Rùa được Trịnh Hoài Đức đề cập đến trong công trình biên khảo nổi tiếng *Gia Định Thành thông chí* của mình như sau “*Cù lao Rùa ở giữa dòng sông Phước Long, cách trấn lỵ về phía Tây Nam 9 dặm, dài 3 dặm, dân cư cày bừa ở dưới. Sông dài như cái giải áo, cột buồm thấp thoáng, khói tỏa sóng nhô, nhấp nhô như hình rùa thiêng giỡn sóng, cảnh trời mưa rất đẹp.*” (Huỳnh Ngọc Đáng, 2012).

Về thành phần dân cư, cù lao Rùa là nơi có sự tụ cư sớm của những lưu dân người Việt và người Hoa, đó là những dòng họ Mai, Dương (gốc Hoa), Dương (gốc Việt), Nguyễn, Lê, Tô, Huỳnh, Trần, ... Trên hành trang đem theo vào khai khẩn vùng đất cù lao Rùa vào thế kỷ XVIII, các dòng họ này có các cơ sở di tích miếu họ/ nhà thờ họ ở các xóm ấp cù lao Rùa và có ngày lễ cúng miếu họ, thể hiện một truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ

đã thấm sâu ở nơi đây. Một nhà báo sinh trưởng ở vùng đất Cù lao Rùa này, ông Mai Sông Bé (2014) trong tập bút kí *Cù lao Rùa* đã viết về một số văn nhân, võ tướng nổi tiếng của vùng đất cù lao Rùa. Theo đó, nhân vật mà danh tiếng cả làng đều biết đến đó là thầy đồ Dương Phụng Nghi. Theo lời kể được lưu truyền “*Đám tang của ông Dương Phụng Nghi kéo dài đến hai tuần, nhằm để có thời gian cho hương chức các làng thuộc tổng Chánh Mỹ Thượng, Chánh Mỹ Trung, Chánh Mỹ Hạ, các thầy đồ, thầy thuốc, học trò, người bệnh mang ơn ông, dân làng, họ tộc đến phụng viếng, chia buồn...*” (Mai Sông Bé, 2014). Cũng theo tập bút kí này, cù lao Rùa còn là nơi sinh trưởng của một vị quan làm Bộ chính tỉnh Cao Bằng là cụ Huỳnh Văn Tú, ông thi đỗ cử nhân trong kì thi hương năm 1819 vào triều Minh Mạng và được triều đình triệu ra kinh đô bổ nhiệm đi nhậm chức Bộ Chính tỉnh Cao Bằng (Mai Sông Bé, 2014). Trong suốt thời kì kháng chiến chống Thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ, cù lao Rùa nổi danh với sự xuất hiện của người thanh niên tay không bắt Tây, cướp súng rồi đốt nhà, thoát li theo kháng chiến, trở thành chiến sĩ đặc công, đó là anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Đại tá Trần Công An (1920- 2008), bí danh Hai Cà. Ông được tôn vinh là ông tổ lối đánh đặc công Việt Nam (Đình Thị Hòa, 2020; Thu Thảo, 2020). Năm 2001, mảnh đất trước đình làng (nơi tôn nghiêm nhất) được các bô lão làng Thạnh Hội đã bàn với nhân dân và xin chính quyền quy hoạch bia thờ các liệt sĩ, một khu để an táng những người đỗ tiến sĩ, còn có hai khu dành để an táng các văn quan và võ quan. Người đầu tiên dân làng nghĩ đến là Đại tá Trần Công An và vợ ông. Hàng trăm chữ kí của bà con cù lao Rùa đề nghị khi nào vợ chồng người anh hùng này quy tiên thì xin cho dân làng được đưa về an táng nơi dành cho các võ quan vừa được quy hoạch (Nhu Nguyệt, 2001). Ngày 7 tháng 9 năm 2008, nhằm ngày mùng 8 tháng 8 năm Mậu Tí, người chiến sĩ đặc công huyền thoại sinh năm 1920 đã đi vào cõi vĩnh hằng và mộ phần của ông đã được lập kế bên phần mộ vợ ông là Bà Thượng sĩ Trương Thị Niều (1922-2004) tại mảnh sân trước cổng đình làng Nhựt Thạnh. Như vậy, qua một số nhân vật kể trên không thể phủ nhận cù lao Rùa là một vùng đất địa linh nhân kiệt.

Qua hệ thống liên đới Hán Nôm còn hiện tồn ở các đình, chùa, miếu ở cù lao Rùa cũng phản ánh trình độ Nho học của cư dân địa phương trong quá

khứ. Huỳnh Ngọc Đáng (chủ biên, 2017) trong công trình *Tìm hiểu liên đối Hán Nôm trong các đình, chùa, miếu tỉnh Bình Dương* có khảo sát các hoành phi, chữ thờ, câu đối Hán Nôm của 36 ngôi đình ở Bình Dương. Theo nhận định của Huỳnh Ngọc Đáng, “*Ấn sâu trong các liên đối, hoành phi là tinh thần Nho giáo gắn liền với tình cảm kính trọng, ca ngợi Thành Hoàng*” (Huỳnh Ngọc Đáng, 2017, tr.16). Ngoài ra, ông còn có nhận định liên quan đến đình Nhựt Thạnh ở cù lao Rùa rằng “*Một số hoành phi có những điểm độc đáo riêng về nội dung và nghệ thuật. Trong khu vực đình, ở đình Nhựt Thạnh có 4 bức hoành phi có ý nghĩa cao thâm, dẫn ý từ Kinh Dịch (Nguyên hạnh lợi trinh) và Luận ngữ (Kính như tại, Hậu tòng tục, Dương tại thượng). Qua đây cho thấy trình độ Hán học và khả năng cảm tác, hưởng thụ văn hóa khá cao của người sáng tác và cư dân địa phương.*” (Huỳnh Ngọc Đáng, 2017, tr.131).

Hiện nay, địa bàn cù lao Rùa có tên hành chính là xã Thạnh Hội với 4 ấp gồm ấp Nhựt Thạnh, ấp Thạnh Hiệp, ấp Thạnh Hòa, và ấp Tân Hội. Cù lao Rùa hiện còn hai ngôi đình làng, đình Nhựt Thạnh là ngôi đình chung của người dân ba ấp Thạnh Hòa, ấp Thạnh Hiệp và ấp Nhựt Thạnh; còn đình Tân Hội là ngôi đình chung của người dân ấp Tân Hội. Hằng năm, người dân cù lao có hai dịp lễ cúng đình là lễ Kỳ yên vào mùa xuân ở đình Nhựt Thạnh tổ chức ngày rằm tháng 2 âm lịch, ở đình Tân Hội tổ chức ngày 16 tháng 2 âm lịch; và lễ Kỳ yên vào mùa thu ở đình Nhựt Thạnh tổ chức ngày rằm tháng 8 âm lịch, ở đình Tân Hội tổ chức ngày 16 tháng 8 âm lịch. Tháng 12 năm 2019, ngôi đình Nhựt Thạnh xã Thạnh Hội được xếp hạng di tích văn hóa cấp tỉnh.

Với bối cảnh nghiên cứu như trên, bài viết này tập trung tìm hiểu dấu ấn của tư tưởng Kinh Dịch trong các hoành phi, chữ thờ, liên đối Hán Nôm ở hai ngôi đình trên đất cù lao Rùa, vì đây là điểm độc đáo hiếm thấy ở các ngôi đình khác ở Bình Dương.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết dựa vào kết quả khảo sát của đề tài khoa học cấp cơ sở “*Nghiên cứu và triển khai thí điểm một số giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị di sản đình thần trong bối cảnh nông thôn mới ở thị xã Tân Uyên tỉnh Bình Dương*” do tác giả Nguyễn Văn Thủy chủ nhiệm đề tài. Dữ liệu bài

viết được nhóm tác giả thu thập, phân tích bằng phương pháp điền dã, khảo sát thực địa, phân tích văn bản, dịch và kế thừa một số tư liệu thành văn của các nghiên cứu đi trước.

Để nhận biết dấu ấn của tư tưởng Kinh Dịch trong di văn Hán Nôm tại đình thần, nhóm nghiên cứu dựa trên một số nội dung tổng quan sau về Kinh Dịch làm cơ sở lý luận.

Kinh Dịch là danh từ chỉ Chu Dịch, một trong Tam Dịch (ba bộ sách bói Liên Sơn, Quy Tàng và Chu Dịch). Chu ở đây là chỉ nhà Chu, thời đại sinh ra tác phẩm này. Kinh là sách vở ghi chép những điều khuôn thước, không đổi. Dịch là biến đổi. Kinh Dịch là sách xem về sự biến đổi nhằm dự đoán cát hung, gồm phần Dịch Kinh và phần Dịch Truyện. Phần Dịch Kinh xuất hiện thời Tây Chu (1046 TCN- 771 TCN), có 64 quẻ, 384 lời hào; và phần Dịch Truyện xuất hiện thời Chiến quốc (475 TCN – 220 TCN).

Về nguồn gốc Kinh Dịch, ban đầu con người luôn có niềm tin vào Thượng đế, quỷ thần và coi như Trời với Người tương thông nhau. Thông qua những hiện tượng tự nhiên của Trời Đất để con người biết được cái biến động, bởi con người luôn mong muốn biết được tương lai, hiểu được quá khứ. Xem Đạo Trời, xem Đạo Người để biết được sự biến đổi, biết được sự được mất hay thành bại. Khi con người nắm bắt được sự biến động thì chúng ta hoàn toàn có thể có lợi ích từ việc ấy, nhưng cái lí gốc của Kinh Dịch thông qua việc đưa ra điều ấy không phải để ta đạt được lợi ích của mình mà để có tâm thái phóng khoáng hơn cũng như chủ động đối diện với họa phúc, đối diện với sự được mất.

Theo *Chu Dịch Đại truyện*, Kinh Dịch có bốn công dụng cũng là bốn điều tiêu biểu của đạo thánh nhân: (dùng Kinh Dịch) nhằm luận sự việc thì chuộng quái từ và hào từ, để hành động thì chuộng sự biến hóa của quái và hào, còn chế tạo đồ vật thì chuộng tượng của quẻ, hay để bói thì chuộng sự giải đoán cát hung. (Lê Anh Minh, 2011).

Tư tưởng Kinh Dịch gồm ba tư tưởng cốt lõi là triết lí Âm Dương, Vật cùng tất phản và Thiên nhân cảm ứng. Triết lí Âm Dương tức là mọi sự vật, hiện tượng luôn tồn tại hai mặt đối lập âm và dương. Một âm, một dương, gọi là Đạo. Dương tượng trưng cho trời, đàn ông, tính động, sự đi lên,

sáng sủa, mạnh mẽ, ấm nóng, khô ráo, lí tính, thay đổi ... Còn Âm tượng trưng cho đất, đàn bà, tính tĩnh, sự đi xuống, sự tối, sự mềm yếu, lạnh mát, ẩm ướt, cảm tính, gìn giữ... Âm Dương là cặp phạm trù mang tính quy ước để chỉ tất cả mọi thứ của đời sống này. Tư tưởng “Vật cùng tất phản” tức là bất cứ vật gì, điều gì khi đi đến cùng cực thì đều là quay ngược trở lại, đều chuyển hóa và không có điểm dừng lại. Thiên nhân cảm ứng nghĩa là trời với người luôn luôn có mối tương tác nhau bằng tất cả điều gì đó hữu tri hay vô tri.

Trong 64 quẻ của Kinh Dịch thì khởi đầu là quẻ Càn và quẻ Khôn, và 62 quẻ phái sinh. Mỗi quẻ đều gồm 3 phần: tên quẻ, quái từ (lời quẻ), tượng (điềm báo/ lời răn từ quẻ). Mỗi quẻ dịch gồm 6 hào từ, được nhóm 2 hào đầu thành Thiên, 2 hào giữa thành Nhân và 2 hào cuối thành Địa. Hai hào có vị thế đẹp nhất trong 1 quẻ là hào số 2 và hào số 5 vì hai hào này nằm ở giữa – vị trí Chính Trung, vì phải ở chính giữa, nơi mà thiên hạ tụ hội lại lúc đây mới gặp được bậc thánh nhân.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kinh Dịch qua hoành phi, chữ thờ, liễn đối Hán Nôm tại hai ngôi đình ở cù lao Rùa

Mượn lời quẻ trong Kinh Dịch để đặt hoành phi thiết trí trong đình là một trường hợp độc đáo ghi nhận ở đình Nhựt Thạnh. Dấu ấn Kinh Dịch thể hiện rất rõ ở bốn đại tự ngay cửa đình, đó là “Nguyên Hanh Lợi Trinh” (元亨利贞), là lời quẻ Càn - quẻ đầu tiên trong hệ thống 64 quẻ Dịch, thể hiện tư tưởng triết học và những chuẩn mực đạo đức. 元亨利贞

Phiên âm: Nguyên hanh lợi trinh

Tạm dịch: *Nguyên* có nghĩa là bắt đầu, là cái gốc của trời đất và vạn vật; *Hanh* có nghĩa là thông suốt, tiến bộ không ngừng, là trạng thái phát triển thuận lợi của sự vật; *Lợi* chỉ hòa hợp sinh ra lợi ích, lợi thế, là mục tiêu phát triển của sự vật; *Trinh* chỉ các chuẩn mực bất biến, kiên trì, bền bỉ, là đảm bảo cho sự vật được phát triển đúng quy luật.

Quẻ Càn có lời quẻ là Nguyên Hanh Lợi Trinh, có tượng (lời răn) là “Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức” (Dịch nghĩa: Trời vận chuyển mạnh mẽ, người quân tử noi theo vận dụng đức tính mạnh mẽ của mình để hành sự). Quẻ này thể hiện rõ tư tưởng “thiên nhân hợp nhất” của Kinh Dịch. Quân tử là người cư

mang trong bản thân sức mạnh sáng tạo của trời đất vũ trụ và không ngừng sử dụng năng lực đó vào việc giáo hóa nhân dân. (Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh, 2011 tr.58-60). Trong cuộc sống, bốn đức tính Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh chính là các chuẩn mực đạo đức để giúp con người giữ được sự cân bằng và ổn định trong đời sống tinh thần, giúp sự nghiệp thành công và điều hòa những mối quan hệ.

Sách Kinh Dịch vừa được xem là sách bói toán vừa được xem là sách triết học. Đồ hình Tiên Thiên Bát quái (Phục Hy Bát Quái) Càn – Đoài – Li – Chấn – Tốn – Khảm – Càn – Khôn chủ yếu dùng trong bói dịch. Bốn chữ “Nguyên Hanh Lợi Trinh” xuất hiện nhiều trong các lời quẻ, lời hào của Kinh Dịch. Ngoài ra, cũng có người hiểu khác, như Cao Hanh (1979) trong tác phẩm *Chu Dịch đại truyện kim chú* cho rằng “Nguyên là lớn, Hanh là dâng lễ vật cúng tế; Lợi là lợi ích; Trinh là bói”. Theo Cao Hanh, bốn chữ “Nguyên Hanh, Lợi Trinh” ở quẻ Càn nghĩa là “Cúng tế lớn, bói gặp điều có lợi” (Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh, 2003; Lê Anh Minh, 2011, tr.28-34).

Dẫn ý từ lời hào trong quẻ Càn trong Kinh Dịch để đặt liễn đối thiết trí trong đình cũng được ghi nhận ở đình Tân Hội. Lời hào 5 (Cửu ngũ) trong quẻ Càn là “Phi long tại thiên, lợi, kiến đại nhân” (Dịch nghĩa: Rồng bay lên trời, điềm lành, sẽ gặp thánh nhân”. Cửu ngũ là hào đẹp nhất của quẻ Càn vì nằm ở chính giữa, nơi gặp được thánh nhân. Ý nghĩa của hào từ này đã được nhắc nhớ trong câu đối ở đình Tân Hội, cù lao Rùa:

三千虎拜尊堯舜
九五龍飛配禹湯

Phiên âm:

Tam thiên hổ bái tôn Nghiêu Thuần

Cửu ngũ long phi phối Vũ Thang

Tạm dịch:

Tam Thiên, hổ bái vua Nghiêu vua Thuần

Cửu ngũ, rồng bay cùng nước Vũ nước Thang

Dẫn ý từ lời hào của quẻ dịch để thiết trí đại tự trong đình còn có trường hợp như Chính Trực.

Hán Nôm: 正直

Phiên âm: Chính Trực

Trực được nhắc đến đầu tiên trong lời hào 2

(lục nhị) của quẻ Khôn, một trong hai quẻ căn bản nhất, quan trọng nhất trong hệ thống 64 quẻ Dịch.

Lục nhị: Trục, phương, đại, bất tập, vô bất lợi.

Dịch nghĩa: Hào 2, âm: Thăng thấn, vương vấn, lớn lao, không cần phải nỗ lực nhiều lần, nhưng không làm gì là không thành công.

Chính trục là một trong những mỹ hiệu của thần Thành hoàng bốn cảnh của hai ngôi đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội. Có thể vì vậy, Chính trục là phẩm chất được nhắc đến khá nhiều lần trong các câu đối ở đình Tân Hội.

Câu đối Hán Nôm, vị trí Chánh Điện:

是非不出聰明鑑
賞罰全由正直施

Phiên âm:

Thị phi bất xuất thông minh giám
Thưởng phạt toàn do chính trực thi

Tạm dịch:

Đúng sai phải để người tài giỏi giám sát
Thưởng phạt do người chính trực thi hành

Câu đối Hán Nôm, vị trí Chánh Điện:

正直其端光輝盛大
和平實資神德敷榮

Phiên âm:

Chính trực kì đoan quang huy thịnh đại
Hoà bình thực tư thần đức phu vinh

Tạm dịch

Ngay thẳng làm nền cho hưng thịnh
Hoà bình nương tựa đức thần vinh

Câu đối Hán Nôm, vị trí Chánh Điện

正直無私帝德韶光安北海
和平有象神恩普濟達南邦

Phiên âm:

Chính trực vô tư đế đức thiêu quang an bắc hải
Hoà bình hữu tượng thần ân phổ tế đạt nam bang

Tạm dịch:

Đức của vua chánh trực vô tư chiếu sáng biển Bắc

Ơn của thần mệnh mông bình thần phù hộ

nước Nam

Trường hợp hai đại tự Lạc Thiên được đặt thờ trang trọng trên bàn nhang án trong đình Nhựt Thạnh lại nhắc nhớ đến một câu trong Chu Dịch Đại truyện “Lạc thiên tri mệnh, cố bất ưu” (Con người vui với Trời và hiểu mệnh Trời, nên không lo buồn.).

Hán tự : 樂天

Phiên âm: Lạc Thiên

Tạm dịch: vui vẻ thuận ứng với thiên mệnh

Như vậy, hai chữ Lạc Thiên thờ trong đình Nhựt Thạnh cũng có dấu ấn ảnh hưởng của tư tưởng Kinh Dịch.

Ngoài Chính trục, Lạc Thiên, còn có Thịnh đức là trường hợp xuất hiện trong phần luận về Đạo và âm dương trong *Chu Dịch Đại Truyện* “Phú hữu chi vị đại nghiệp, nhật tân chi vị thịnh đức” (Dịch nghĩa: Sự sở hữu dồi dào của Đạo gọi là sự nghiệp lớn; sự đổi mới hằng ngày của Đạo gọi là thịnh đức.) Cũng cùng ý nghĩa này, hai chữ “Thịnh đức” xuất hiện trong một số cặp đối trong đình.

Câu đối ở đình Tân Hội:

新盛德以為神保佑咸寧南北境
會良能而作聖英靈長龔帝王州

Phiên âm:

Tân thịnh đức dĩ vi thần bảo hữu hàm ninh nam bắc cảnh

Hội lương năng nhi tác thánh anh linh trường cung đế vương châu

Tạm dịch:

Đức mới bao trùm làm thần bảo vệ bình yên cõi nam bắc

Hội tài năng làm thánh linh thiêng giữ mãi đất đế vương

Câu đối ở đình Nhựt Thạnh:

日照陽光開泰運
盛霑厚德配遐鈴

Phiên âm:

Nhật chiếu dương quang khai thái vận

Thịnh triêm hậu đức phối hà linh

Tạm dịch:

Trời chiếu ánh dương, khai vận tốt

Đức thấm sâu dày, tiếng vang xa

Câu đối ở đình Nhựt Thạnh:

正氣恩霑新宇廟
威名德盛壯山河

Phiên âm:

Chính khí ân triêm tân vũ miếu

Uy danh đức thịnh tráng sơn hà

Tạm dịch:

Chính khí ân thấm nhuần đền miếu

Uy danh đức thịnh đầy non sông

Tóm lại, một số đại tự, hoành phi, câu đối trong đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội ở cù lao Rùa có nội dung, ý nghĩa bắt nguồn từ lời quẻ, lời hào của Kinh Dịch và từ *Chu Dịch Đại truyện* như “nguyên hanh lợi trinh”, chính trực, lạc thiên, thịnh đức,... Những phẩm chất, những chuẩn mực đạo đức đó mang dấu ấn của tư tưởng Kinh Dịch, tư tưởng cao nhất của Kinh Dịch chính là xem Kinh Dịch không phải xem cát hung mà là xem người quân tử trong hoàn cảnh nào đó thì ứng xử như thế nào.

Hình 1. Hoành phi, liễn đối đình Nhựt Thạnh



(Nguồn: Nghĩa Nguyễn, 2021)

3.2. Phong thủy trong liễn đối Hán Nôm tại đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội

Phong thủy là ý thức điều chỉnh cảnh quan tự nhiên theo mong muốn của mình. Hầu hết các công trình kiến trúc trong quá khứ được xây dựng lên đều có sự tham gia của thầy phong thủy ngay từ đầu. Các thầy phong thủy hay tư duy của người làm phong thủy chịu sự ảnh hưởng của tư tưởng Kinh Dịch trong việc xem hướng đất. Đồ hình Hậu Thiên Bát quái (Văn Vương Bát Quái) Càn - Khâm - Cấn - Chấn - Tốn - Ly - Khôn - Đoài chủ yếu để sử dụng trong phong thủy. La Kinh và tất

cả 24 sơn hướng được tính đều dựa trên Hậu Thiên Bát Quái. Tư tưởng của Dịch chi phối tất cả các phương hướng được coi là đẹp. Chính vì vậy, bất cứ công trình nào trước khi được dựng lên thì đều có thầy phong thủy xem hướng đất.

Một số câu đối ở đình Nhựt Thạnh, đình Tân Hội thể hiện yếu tố phong thủy thông qua quan sát hình thế núi sông, địa lí, kinh mạch, chọn địa điểm bố cục. Câu đối vị trí Bình phong ở đình Nhựt Thạnh cù lao Rùa:

左占青龍沾化日
右依白虎映文光

Phiên âm:

Tả chiêm thanh long triêm hóa nhật

Hữu y bạch hổ ánh văn quang

Tạm dịch:

Bên trái rồng xanh hòa cùng trời biếc

Bên phải hổ trắng tỏa ánh hào quang

Tả thanh long, hữu bạch hổ là thế đất lí tưởng trong phong thủy, để chỉ phương hướng quan trọng có mục đích che chắn bảo vệ khí mạch của công trình kiến trúc không bị thất tán.

Câu đối ở đình Nhựt Thạnh

前對泰山凝瑞氣
後沾福水啓才人

Phiên âm:

Tiền đối thái sơn ngưng thụ khí

Hậu triêm phúc thủy khởi tài nhân

Tạm dịch:

Trước đối diện Thái Sơn ngưng tụ khí tốt

Sau thăm đẫm Phước Thủy sinh ra người tài

Sơn (núi), Thủy (nước) là những yếu tố được xét đến trong phong thủy. Con người lợi dụng thế núi sông để được lành tránh dữ. Trên thực tế, phía trước ngôi đình Nhựt Thạnh hướng xa đối diện bên kia sông Cái là thôn làng có tên là Thới Sơn, nay là một ấp thuộc xã Bình Hòa, huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai; còn phía sau ngôi đình là sông Con. Sông Cái và sông Con là hai nhánh sông Đồng Nai tách ra chảy bao quanh cù lao Rùa. Sông Đồng Nai thời mở cõi đất phương Nam sử sách gọi là Phước Long giang. Địa khí làm cho người ở đâu thì tính như thế. Sống nơi núi sông rộng rãi thì lòng người

cũng rộng rãi. Con người nhờ chọn được đất mà dựng nên cơ nghiệp được, và đất ấy nhờ con người mà tồn tại, con người và đất tương thông với nhau, khi ở yên thì may mắn, tốt lành, ở không yên thì suy vi.

Câu đối vị trí Miếu thổ thần ở đình Tân Hội cù lao Rùa:

土旺人從旺
神安宅自安

Phiên âm:

Thổ vượng nhân tòng vượng
Thần an trạch tự an

Tạm dịch:

Đất thịnh người cũng thịnh
Thần an nhà cũng an

Câu đối trên thể hiện rõ giá trị của phong thủy, đó là phong thủy quan tâm đến sự hài hòa, hợp nhất giữa trời với người, giữa người với cảnh quan xung quanh.

Tóm lại, một số câu đối ở đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội thể hiện rõ những dấu ấn phong thủy phản ánh tư tưởng thiên nhân hợp nhất/cảm ứng trong Kinh Dịch như Tả Thanh long, hữu Bạch hổ; khí tốt sinh người tài, đất thịnh người cũng thịnh.

4. Kết luận

Từ những phân tích trong bài viết, có thể khẳng định một số hoành phi, chữ thờ, liễn đối Hán Nôm ở hai ngôi đình Nhựt Thạnh và đình Tân Hội tại cù lao Rùa, xã Thạnh Hội, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mang dấu ấn của tư tưởng Kinh Dịch rõ rệt. Đó là những cách dẫn ý từ lời

quẻ, lời hào trong Kinh Dịch và văn ngôn trong *Chu Dịch đại truyện* cùng với những cặp đối mang tư tưởng thiên nhân cảm ứng trong phong thủy, triết lý sống cũng như chuẩn mực đạo đức trong cách hành xử của người quân tử. Kết quả phân tích này đã phản ánh dấu ấn của tư tưởng Kinh Dịch và điều này cũng rất phù hợp với thông điệp của một hoành phi trong chính điện đình Nhựt Thạnh đề rằng 南天聖蹟 *Nam Thiên Thánh tích, nghĩa là dấu tích Thánh hiển ở trời nam.*

Cù lao Rùa đã được Trịnh Hoài Đức ghi chép lại trong *Gia Định thành thông chí* và cũng được ông cảm tác qua bài thơ *Quy Dục văn hà*. Ngoài hai ngôi đình làng, cù lao Rùa còn có hai ngôi chùa, bốn ngôi miếu Bà Ngũ hành, hai miếu họ Mai, hai miếu họ Dương, một miếu họ Nguyễn, họ Lê, họ Tô, họ Trần... với những tên tuổi vang bóng một thời như thầy đồ Dương Phụng Nghi, Quan Bó chính Huỳnh Văn Tú, Đại tá Trần Công An. Qua đó cho thấy, vùng đất cù lao Rùa thuộc khu vực địa văn hóa của vùng đất Trấn Biên, một vùng đất địa linh nhân kiệt.

Với sự hiện tồn của một số các hoành phi, chữ thờ, liễn đối mang dấu ấn của tư tưởng Kinh Dịch, bài nghiên cứu này mong rằng sẽ góp phần đóng góp thêm một minh chứng về tri thức Hán - Nôm sâu sắc của các thế hệ đi trước ở hai làng Nhựt Thạnh, làng Tân Hội trên cù lao Rùa và phần nào cho thấy vị thế của vùng đất này từng nằm trong vùng không gian văn hóa đậm chất Nho học. Hơn nữa, kết quả nghiên cứu này còn góp thêm động lực cho những ai đang quan tâm và dấn thân trong công tác nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đình thần tại vùng đất cù lao Rùa nói riêng và vùng đất Đông Nam Bộ nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh (2003). *Triết giáo Đông phương*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- Dương Ngọc Dũng, Lê Anh Minh (2011). *Kinh Dịch – Cấu hình tư tưởng Trung Quốc*. NXB Khoa học Xã hội.
- Đình Thị Hòa (2020). *Đình trong bối cảnh đô thị hóa ở tỉnh Bình Dương- Hiện trạng và giải pháp*. Đề tài cấp cơ sở. Sở KHCN tỉnh Bình Dương.
- Đình Thị Hòa (2020). *Đọc hồi ký “Người chiến sĩ đặc công”. Kỳ yếu Hội thảo Hình tượng anh hùng lực lượng vũ trang Trần Công An với hào khí Đồng Nai và truyền thống cách mạng của vùng đất và con người Tân Uyên*. Hội Khoa học lịch sử tỉnh Bình Dương. Tân Uyên.

- Huỳnh Ngọc Đáng (2012). Bài thơ của Trịnh Hoài Đức vịnh phong cảnh cù lao Rùa. *Tập san Khoa học Lịch sử số 27*.
- Huỳnh Ngọc Đáng (2017). *Tìm hiểu liên đối Hán - Nôm trong các đình, chùa, miếu tỉnh Bình Dương*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Huỳnh Ngọc Đáng, Đinh Thị Hòa (2023). *Tìm hiểu địa danh trên địa bàn xã Thạnh Hội, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương*. Kỷ yếu Hội thảo địa danh trên địa bàn tỉnh Bình Dương, Hội Khoa học lịch sử tỉnh Bình Dương. TP. Thủ Dầu Một.
- Lê Anh Minh dịch – chú (2011). *Chu Dịch đại truyện*. NXB Khoa học Xã hội.
- Mai Sông Bé (2014). *Cù lao Rùa*. Nhà xuất bản Thời Đại.
- Như Nguyệt (2001). *Văn hóa cù lao Rùa: tôn vinh tiến sĩ, văn quan, võ tướng*. Báo Đồng Nai số 433 ra ngày 4/8/2001.
- Trần Công An (2002). *Người chiến sĩ đặc công*. Nhà xuất bản Đồng Nai.
- Thu Thảo (2020). *Chuyện về “ông tổ” đặc công Trần Công An*. Báo Quân khu 7 online truy cập ngày 10/6/2024. <https://baoquankhu7.vn/chuyen-ve-ong-to-dac-cong-tran-cong-an-477888898-0020733s34010gs>